TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TUY HÒA** TỈNH PHÚ YÊN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 52/2018/DS-ST
Ngày 16-8-2018
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA - TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cơ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Công Hạnh và ông Hà Trọng Khá

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Vĩnh Phúc – Thư ký TAND thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

Trong ngày 16 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 70/2014/TLST-DS ngày 17 tháng 4 năm 2014 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2018/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hồ Thị Thanh S, sinh năm 1964

Địa chỉ: đường T, phường M, thành phố T, tỉnh Phú Yên

Vắng mặt tại phiên tòa

Bị đơn: Ông Trần X, sinh năm 1948

Địa chỉ: đường T, phường M, thành phố T, tỉnh Phú Yên

Ông X vắng mặt tại phiên tòa

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Phan Thị T, sinh năm 1950

Địa chỉ: đường T, phường M, thành phố T, tỉnh Phú Yên

Bà T có mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S trình bày: Ngày 20/12/2010 bà cho ông Trần X vay số tiền 2.400.000đồng, lãi 5%/tháng, góp 30 ngày có bà Phan Thị T là người bảo lãnh và ngày 23/4/2011 bà cho ông X vay tiếp 3.000.000 đồng hạn đến ngày 23/5/2011. Từ khi vay cho đến nay ông X chưa góp ngày nào nên bà yêu cầu Tòa giải quyết buộc ông Trần X và bà Phan Thị T phải trả 5.400.000đồng tiền gốc và tiền lãi từ ngày vay đến ngày xét xử theo quy định pháp luật.

Tại bản trình bày ngày 26/5/2014 và biên bản ghi lời khai ngày 27/6/2014 bị đơn ông Trần X và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị T trình bày ông X có vay của bà S 02 lần tất cả đều theo hình thức trả góp, lần thứ nhất vào năm 2010 số tiền gốc 2.000.000đồng, tiền lãi 400.000đồng, bà S đã cộng tiền lãi

vào tiền gốc rồi ghi giấy nợ 2.400.000đồng, trả góp trong 03 tháng mỗi ngày góp 30.000đồng ông đã góp đủ số tiền. Đến năm 2011 ông vay lại 3.000.000đồng và góp cả gốc và lãi được 3.800.000đồng. Sau đó bà T vợ ông có nói với bà S xin không góp nữa vì bán vé số ế ẩm, bà S không nói gì. Hơn một năm sau thì bà S khởi kiện. Ông không đồng ý trả nợ cho bà S.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng nguyên đơn đều có đơn xin vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S xin xét xử vắng mặt và đề nghị Tòa giải quyết buộc ông Trần X và bà Phan Thị T phải trả cho bà số tiền gốc theo hai giấy nợ ngày 20/12/2010 và ngày 23/4/2011 là 5.400.000 đồng và lãi tính từ ngày vay cho đến ngày trả nợ cuối cùng theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị T trình bày: Cả hai khoản nợ này ông X và bà đã góp hết rồi nhưng bà S đã xé những giấy góp đó rồi nên không có giấy tờ gì để cung cấp cho Tòa. Đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý, thu thập chứng cứ từ khi thụ lý đến khi xét xử tuân thủ đúng theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng khi tiến hành xét xử tại phiên tòa. Nguyên đơn, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên phải chịu mọi hậu quả pháp lý, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng pháp luật.

Về nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông Trần X phải trả cho bà Hồ Thị Thanh S số tiền gốc của hai giấy nợ là 5.400.000 đồng và lãi suất 1,125%/tháng, thời hạn tính lãi sau 01 tháng kể từ ngày vay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Pháp luật về tố tụng: Hai bên có tranh chấp về Hợp đồng vay tài sản; bị đơn có nơi cư trú tại phường 1, thành phố Tuy Hòa theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa và quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản".

[2] Pháp luật về nội dung: Tranh chấp giữa bà Hồ Thị Thanh S và ông Trần X là tranh chấp hợp đồng vay tài sản giao dịch thực hiện năm 2010 và 2011 và Tòa án thụ lý giải quyết từ năm 2012. Do đó, căn cứ Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết vụ án.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn: Căn cứ giấy nhận nợ vay tiền ngày 20/12/2010 thì ông Trần X vay của bà Hồ Thị Thanh S 2.400.000 đồng, hai bên thỏa thuận lãi 5%/tháng, trả góp trong 30 ngày, bà Phan Thị T là người bảo lãnh và giấy nhận nợ vay tiền ngày 23/4/2011 thì ông Trần X vay của bà Hồ Thị Thanh S 3.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận lãi nếu một ngày không trả phải trả lãi 8%/ngày theo số tiền trả góp hằng ngày, quá hạn lãi suất 8%/01 tháng, hạn 30

ngày. Sau khi vay ông X chưa góp được ngày nào. Nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ được chấp nhận.

[4] Theo trình bày của bị đơn: Khoản nợ ngày 20/12/2010 với số tiền 2.400.000 đồng đã trả xong bà S mới cho vay lại 3.000.000 đồng ngày 23/4/2011 và ông cũng đã trả được 3.800.000 đồng nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh việc trả nợ. Do đó, lời trình bày của bị đơn không có cơ sở chấp nhận nên buộc bị đơn phải trả nợ cho nguyên đơn theo các giấy nợ mà hai bên đã ký kết ngày 20/12/2010 và ngày 23/4/2011.

[5] Về lãi suất: Tại giấy nhận nợ vay tiền ngày 20/12/2010 các bên thỏa thuận lãi 5%/tháng và tại giấy nhận nợ vay tiền ngày 23/4/2011 hai bên thỏa thuận nếu một ngày không trả phải trả lãi 8%/ 01 ngày theo số tiền trả góp hằng ngày, quá hạn lãi suất 8%/01 tháng. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày vay cho đến ngày xét xử theo quy định pháp luật còn bị đơn đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử xác định mức lãi suất được tính theo mức lãi suất cơ sở do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định (theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010), từ ngày 20/12/2010 đối với khoản vay 2.400.000 đồng đến ngày xét xử 16/8/2017 là 91 tháng 26 ngày x 2.400.000 đồng x 1,125%/tháng = 2.480.400 đồng và từ ngày 23/4/2011 đối với khoản vay 3.000.000 đồng đến ngày xét xử 16/8/2017 là 87 tháng 23 ngày x 3.000.000 đồng x 1,125%/tháng = 2.962.125 đồng.

[6] Tổng cộng cả gốc và lãi của 02 giấy nợ ngày 20/12/2010 và ngày 23/4/2011, ông Trần X phải trả cho bà Hồ Thị Thanh S là 10.842.525 đồng.

[7] Đại diện Viện kiểm sát đề nghị bị đơn phải trả tiền gốc của 02 giấy nợ là 5.400.000 đồng và yêu cầu tính lãi sau 30 ngày kể từ ngày vay là không phù hợp. Vì tại giấy nợ ngày 20/12/2010 đã ghi: "Hai bên thỏa thuận vay số tiền là 2.400.000 đồng, góp 30 ngày, ngày 80.000, lãi 5%/tháng" và tại giấy nợ ngày 23/4/2011 đã ghi: "Hai bên thỏa thuận vay số tiền là 3.000.000 đồng, hạn 23/5/2011, quá hạn lãi suất 8%/01 tháng", ngoài ra không có tài liệu, chứng cứ nào thể hiện trong số tiền vay 2.400.000 đồng và 3.000.000 đồng này đã gộp lãi như bị đơn trình bày nên không có cơ sở để tính lãi như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát.

[8] Bà Phan Thị T ký vào giấy nhận nợ vay tiền ngày 20/12/2010 với tư cách người bảo lãnh, nên nếu ông Trần X không trả được khoản nợ ngày 20/12/2010 cả gốc và lãi là 4.880.400 đồng (trong đó nợ gốc 2.400.000 đồng và lãi 2.480.400 đồng) cho bà Hồ Thị Thanh S thì bà Phan Thị T phải có trách nhiệm trả nợ thay.

[9] Về án phí: Bị đơn ông Trần X có đơn xin miễn giảm án phí được chính quyền địa phương xác nhận hộ cận nghèo đang quản lý tại địa phương. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, miễn toàn bộ án phí cho bị đơn; Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do đó được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 471, 474, 476, 478 và khoản 2 Điều 305, 361 Bộ luật dân sự 2005 và Điều 688 Bộ luật dân sự 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Trần X phải trả cho bà Hồ Thị Thanh S số tiền: 10.842.525 đồng của hai giấy nợ ngày 20/12/2010 và ngày 23/4/2011 (trong đó tiền gốc giấy nợ ngày 20/12/2010 là 2.400.000 đồng, lãi 2.480.400đồng và tiền gốc giấy nợ ngày 23/4/2011 là 3.000.000 đồng, lãi 2.962.125 đồng) về khoản vay tài sản.

Nếu ông Trần X không trả nợ cho bà S thì bà Phan Thị T phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trả nợ thay đối với khoản nợ theo giấy nợ ngày 20/12/2010 là 4.880.400 đồng (trong đó tiền gốc 2.400.000 và tiền lãi 2.480.400 đồng) cho nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền phải thi hành án thì phải chịu thêm khoản lãi suất theo Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành xong.

Về án phí:

Bị đơn là hộ cận nghèo đang quản lý tại địa phương nên được miễn toàn bộ án phí.

Hoàn trả cho nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S 100.000 đồng (Một trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2010/10137 ngày 04/12/2012 và 100.000 đồng (Một trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2010/10606 ngày 23/4/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND TP. Tuy Hòa;
- Chi cục THADS TP. Tuy Hòa;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Cơ